

Số: 1074/GP-STNMT

An Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường của dự án Xưởng chế biến nông sản An Phú - Công ty Gấu Đồi hợp ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nông sản Gấu Đồi tại Công văn số 01/2022/GĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nông sản Gấu Đồi, có địa chỉ trụ sở tại Khu phố 02, phường 3, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xưởng chế biến nông sản An Phú - Công ty Gấu Đồi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Xưởng chế biến nông sản An Phú - Công ty Gấu Đồi.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô NX1, Cụm công nghiệp An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định chủ trương đầu tư số 2643/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều chỉnh tại Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 11/8/2022; Giấy



chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201582423 ngày 06/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 1201582423.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở sản xuất, chế biến nông sản (*nông sản, trái cây sơ chế và qua chế biến xuất khẩu*). Ngành nghề được thu hút đầu tư tại cụm công nghiệp An Phú: thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: tổng diện tích của dự án 26.700 m², tại Lô NX1, Cụm công nghiệp An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang, tứ cận như sau:

+ Phía Đông: giáp Đường tỉnh 957.

+ Phía Tây: giáp sông Châu Đốc.

+ Phía Nam: giáp Trạm trộn Bê tông nhựa nóng (Công ty Cầu đường An Giang) thuộc Cụm công nghiệp An Phú.

+ Phía Bắc: giáp đất quy hoạch bố trí Khu hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp An Phú.

Các điểm mốc tọa độ dự án:

Điểm giới hạn	Tọa độ (VN-2000)	
	X	Y
A	536675	1192235
B	536656	1192344
C	536546	1192254
D	536452	1192194

- Quy mô: dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 3.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy mô xây dựng các hạng mục công trình như sau:

+ Công trình chính (nhà xưởng, nhà lò hơi, nhà điều hành) có tổng diện tích là 12.654,1 m².

+ Công trình (gồm: nhà ăn, nhà bảo vệ + công hàng rào; bể nước ngầm, trạm điện và nhà để tủ điện,...) có tổng diện tích là 13.845,9 m².

+ Công trình bảo vệ môi trường (gồm hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại) có tổng diện tích 200 m².

- Tổng vốn đầu tư: 50.000.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường

Handwritten signature

trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nông sản Gấu Đồi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện An Phú) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 03 tháng 10 năm 2022 đến ngày 03 tháng 10 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / senhuan

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ban Giám đốc Sở;
- Thành viên Hội đồng theo QĐ số 511/QĐ-STNMT;
- UBND huyện An Phú;
- Chi cục BVMT; Thanh tra Sở;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website công khai giấy phép môi trường);
- Phòng TNMT huyện An Phú;
- UBND thị trấn An Phú;
- Lưu: VT. ✓

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GP-STNMT ngày ... tháng ... năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sản xuất, lưu lượng phát sinh 30 m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: Nước thải hoạt động của lò hơi, lưu lượng phát sinh 3,15 m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng phát sinh 8 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải được xả vào nguồn tiếp nhận sông Châu Đốc.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Châu Đốc, khu vực tại Lô NX1, Cụm công nghiệp An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Địa điểm xả nước thải: Lô NX1, Cụm công nghiệp An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 536428; Y = 1192214 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm; tương đương 2,08 m³/giờ.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) sẽ tự chảy bằng đường ống HDPE Ø300 mm xả ra nguồn tiếp nhận sông Châu Đốc tại 01 cửa xả. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả mặt và xả ven bờ sông Châu Đốc.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* 24 giờ/ngày.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, với hệ số K_q=0,9; K_f=1,2, cụ thể như sau:*



TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép tối đa theo	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	06 tháng/lần	không
2	BOD ₅	mg/l	32,4		
3	COD	mg/l	82		
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	54		
5	Amoni	mg/l	5,4		
6	Tổng Nitơ	mg/l	21,6		
7	Tổng Photpho	mg/l	4,32		
8	Coliform	MPN/10 0ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh: bố trí các bể tự hoại 03 ngăn (*trang bị 05 bể, tổng thể tích 29m³*) tại các nhà vệ sinh (*tại Nhà xưởng, Nhà điều hành, Nhà ăn và Nhà bảo vệ*), sau đó theo ống nhựa PVC Ø114mm dẫn vào hệ thống thoát nước thải nội bộ của dự án (*cấu tạo gồm: hố ga 1,0m × 1,0m và ống HDPE Ø200mm ÷ Ø300mm*) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

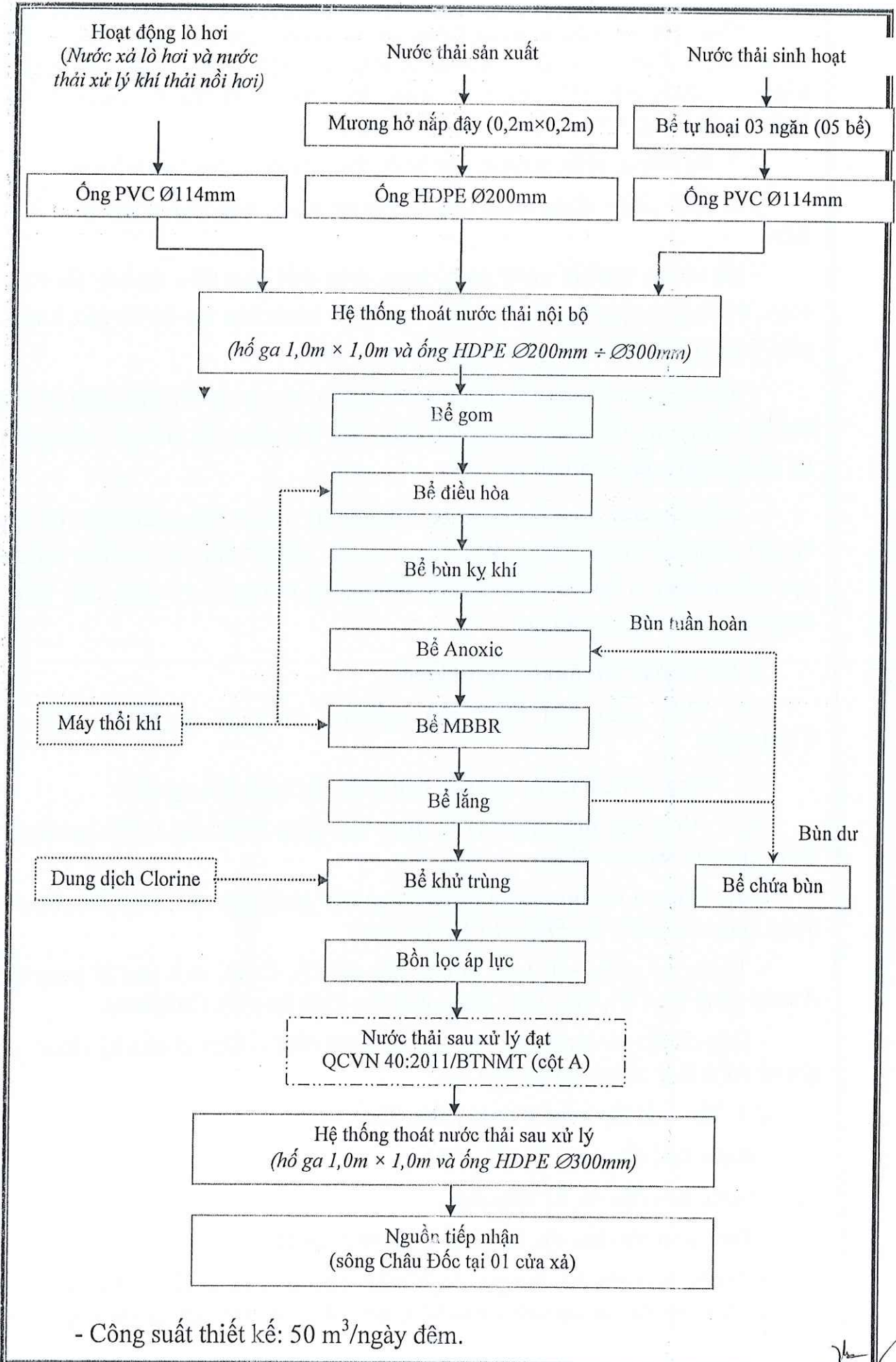
- Nước thải sản xuất: được thu gom bằng tuyến mương hở (rộng 200mm, cao 200mm), sau đó thoát bằng ống nhựa HDPE Ø200mm dẫn vào hệ thống thoát nước thải nội bộ của dự án (*cấu tạo gồm: hố ga 1,0m × 1,0m và ống HDPE Ø200mm ÷ Ø300mm*) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ hoạt động của lò hơi: được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø114mm dẫn vào hệ thống thoát nước thải nội bộ của dự án (*cấu tạo gồm: hố ga 1,0m × 1,0m và ống HDPE Ø200mm ÷ Ø300mm*), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Handwritten signature/initials



- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Clorine được sử dụng khử trùng với định mức 0,02 kg/1 m³ nước thải, tương đương sử dụng tối đa 01 kg/ngày (0,02 kg/1 m³ nước thải × 50 m³/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Bố trí các thiết bị xử lý (máy bơm, máy thổi khí) theo nguyên tắc 01 máy chạy, 01 máy dự phòng để hệ thống được vận hành liên tục 24/24 giờ, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hoạt động sản xuất.

- Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế và xây dựng với công suất xử lý lớn hơn so với lượng nước thải phát sinh, đảm bảo khả năng dự phòng và quá tải của hệ thống trong quá trình xử lý.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, Chủ dự án nhanh chóng liên hệ với đơn vị chuyên môn để nhanh chóng khắc phục sự cố. Đồng thời, bố trí nhân viên tích cực hỗ trợ đơn vị bảo trì, bảo dưỡng để đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành một cách nhanh chóng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/7/2024 đến ngày 01/01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): 01 điểm tại vị trí xả nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp.

- Nước thải đầu vào: 03 mẫu đơn.

- Nước thải đầu ra: 03 mẫu đơn.

- Thời gian bắt đầu vận hành: từ ngày 01/7/2024.

+ Trước 10 ngày kể từ ngày 01/7/2024, chủ dự án gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định

tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Thời gian vận hành thử nghiệm phải tiến hành đánh giá hiệu quả của hệ thống, bắt đầu đo đạc, thu mẫu và phân tích ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành: 01/01/2025, Chủ dự án phải lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình xả nước thải sau xử lý vào sông Châu Đốc nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước của sông Châu Đốc, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện An Phú, UBND thị trấn An Phú và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Handwritten signature

V
ÊN
ÔNG
IAW

76

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GP-STNMT ngày 03 tháng 10 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn phát sinh: khí thải lò hơi công suất 03 tấn hơi/giờ, lưu lượng phát sinh 7.500 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải lò hơi sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận tại 01 ống khói thải đường kính Ø200mm, chiều cao 18,0m.

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống khói thải lò hơi, Lô NX1, Cụm công nghiệp An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 536530; Y = 1192228 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰ múi chiếu 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 37.500 m³/ngày đêm, tương đương 7.500 m³/giờ (hoạt động tối đa 05 giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả thải: Hàng ngày.

- Thời gian xả thải: 05 giờ/ngày, khí thải lò hơi sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) sẽ tự thải ra nguồn tiếp nhận tại 01 ống khói thải đường kính Ø200mm, chiều cao 18,0m. Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn được xả thải gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, với hệ số K_p=1; K_v=1), cụ thể như sau:

TT.	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép tối đa theo	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần	không
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	SO ₂	mg/Nm ³	1.500		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.000		

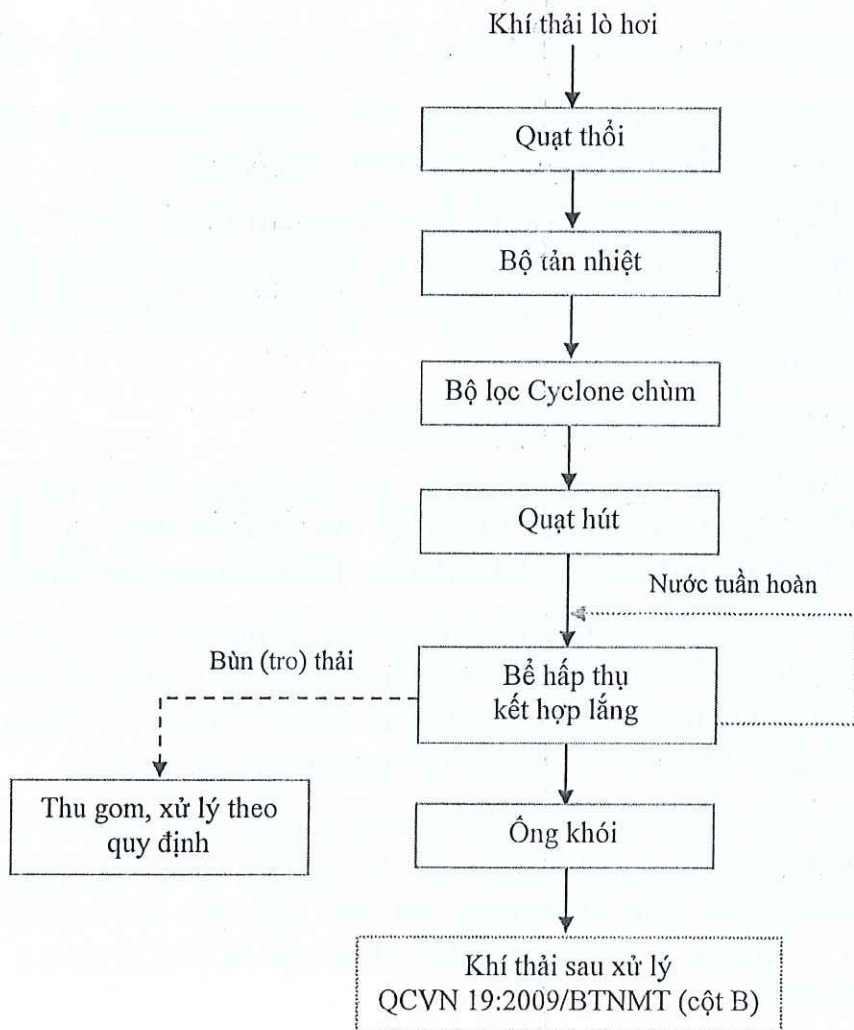
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Chủ dự án lắp đặt đồng bộ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi (khí thải, bụi từ buồng đốt của lò hơi được hệ thống quạt thổi đẩy vào bộ tản nhiệt).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: Xử lý khí thải tối đa 7.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Bố trí công nhân theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng ngày trước và sau khi sử dụng. Lắp đặt các thiết bị xử lý (quạt hút, bơm cấp nước) theo nguyên tắc 01 máy chạy, 01 máy dự phòng để hệ thống được vận hành liên tục.

24/24 giờ, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 01/7/2024 đến ngày 01/01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): 01 điểm tại ống khói thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

2.3. Tần suất lấy mẫu: quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn định với tần suất 01 ngày/lần, lấy và phân tích 03 mẫu đơn khí thải đầu ra sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp (khoản 05 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022), dự kiến thời gian như sau:

- Thời gian bắt đầu vận hành: từ ngày 01/7/2024.

+ Trước ngày 01/7/2024 thời gian 10 ngày, chủ dự án gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Thời gian vận hành thử nghiệm phải tiến hành đánh giá hiệu quả của hệ thống, bắt đầu đo đạc, thu mẫu và phân tích ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành: 01/01/2025, Chủ dự án phải lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

Trong quá trình xả khí thải sau xử lý ra môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường không khí xung quanh, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện An Phú, Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GP-STNMT ngày ... tháng ... năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: nguồn ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: nguồn ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Tọa độ X = 536665; Y= 1192251 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰ múi chiếu 3⁰).
- + Nguồn số 2: Tọa độ X = 536600; Y= 1192249 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰ múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Độ ồn và độ rung tại dự án chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng.

- Đối với máy móc, thiết bị vận hành dây chuyền sản xuất:
- + Cố định chân đế móng và sử dụng đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị để giảm thiểu độ rung.

H. C.
SỞ
NGU
MÔI TR
H. A. N.

Handwritten signature

+ Định kỳ 03 hoặc 06 tháng sẽ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tiếng ồn phát sinh.

+ Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

+ Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (*mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động*).

- Đối với tiếng ồn tại khu vực lò hơi, Chủ dự án đã bố trí nhà chứa riêng biệt với tường ngăn cách, giảm thiểu đến mức thấp nhất khả năng phát sinh tiếng ồn.

+ Bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để tạo cảnh quan và góp phần giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh. Diện tích bố trí cây xanh và thảm cỏ của dự án là 7.192,6 m², trồng các loại cây xanh thuộc danh mục cho phép của tỉnh An Giang.

Chủ dự án sẽ nghiêm túc thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và không gây ảnh hưởng đến công nhân và môi trường xung quanh.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí khu vực đặt máy phát điện dự phòng nằm cách ly với khối công trình phục vụ và khu vực văn phòng.

+ Bố trí phòng đặt máy phát điện dự phòng (*Vị trí bố trí: tại nhà để tủ điện; diện tích 12 m²; kết cấu: nền bê tông cốt thép, vách gạch có bổ sung vật liệu cách âm, mái tole*) để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh, đồng thời đặt lớp đệm cao su chống rung và giảm thiểu tiếng ồn tại chân máy.

+ Lắp ống xả đồng bộ với động cơ, lắp ống khói phát thải với chiều cao hợp lý để đảm bảo nguồn khí thải không gây tác động lớn đến môi trường trong quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...A.001.1.1/GP-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Hộp mực máy in thải	08 02 04	Rắn	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	1
3	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	3
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	10
5	Bao tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	Rắn	2
	Tổng cộng			18

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Tro thải sau quá trình đốt cấp nhiệt của lò hơi khoảng 13.500 kg/tháng.
- Vật liệu nhựa hư hỏng khoảng 50 kg/tháng.
- Vỏ, hạt và thịt xoài hỏng khoảng 7.500 kg/ngày, tương đương khoảng 225.000 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.200 kg/tháng.

Ngoài ra, bùn thải phát sinh từ hệ thống khí thải khoảng 135 kg/tháng, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 300 kg/tháng, chủ dự án sẽ tiến hành phân định theo quy định.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 03 thùng dung tích 60 lít, có dán nhãn mác, màu sắc theo quy định về phân loại chất thải nguy hại tại kho lưu chứa.

2.1.2. *Kho lưu chứa trong nhà:*

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 3 m² (kích thước: 2,0m x 1,5m).
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: nền bê tông, vách tole, mái lợp tole, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định của TCVN 6707:2009) để lưu giữ các loại chất thải nguy hại phát sinh.

Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường. Tần suất thu gom: 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Tro trấu:

- Bố trí Khu vực chứa tro với diện tích 50 m² tại Nhà lò hơi.

- Kết cấu: nền bê tông cốt thép, mái lợp tole, đảm bảo không để nước mưa tiếp xúc trực tiếp kéo theo chất ô nhiễm. Tro thải sau khi cho vào bao chứa được thu gom tập trung tại Khu vực chứa tro và Chủ dự án hợp đồng bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng theo quy định.

2.2.2. Vật liệu nhựa hư hỏng:

- Bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 25 m² tại nhà xưởng.

- Kết cấu: Nền tráng xi măng, khung thép, mái lợp tole) để lưu giữ và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

2.2.3. Vỏ, hạt và thịt xoài hỏng:

- Thu gom vào các sọt nhựa có nắp đậy và bố trí khu vực lưu giữ tạm tại Nhà xưởng với tổng diện tích là 50 m².

- Kết cấu: nền bê tông cốt thép, mái lợp tole, đảm bảo không để nước mưa tiếp xúc trực tiếp kéo theo chất ô nhiễm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí thùng chứa 06 thùng (03 thùng các công ra vào; 02 thùng tại khu vực căn tin; 01 thùng tại khu vực văn phòng) loại 60 lít.

2.3.2. *Điểm tập kết rác sinh hoạt*: rác thải phát sinh được thu gom vào các thùng rác, cuối giờ làm việc sẽ được nhân viên thu gom tập trung ra trước cổng dự án. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom tại địa phương đến thu gom định kỳ 01 ngày/lần và chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:-./.

H. L. Luan

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GP-STNMT ngày ... tháng ... năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án;

- Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

- Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường đã được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./

H. Luong



Handwritten mark

